

**BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch**

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Ba.
- Địa chỉ: Khu 1- xã Phương Lĩnh – huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 6.000 m³/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 8.516 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Hồng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 05 tháng 05 năm 2023.
- Người kiểm tra: Nguyễn Anh Đức.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa trạm bơm Phương Lĩnh - XNCN Thanh Ba.**Mẫu 2:** Bà Nguyễn Thị Xuân – khu 11 – TT Thanh Ba.**Mẫu 3:** Bà Lê Thị Thủy – Khu 11 – Xã Ninh Dân.**Mẫu 4:** Ông Khúc Xuân Quảng - Khu 12 – Xã Khai Xuân.**B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.60	0.50	0.40	0.20	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.21	0.23	0.25	0.27	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4.2	4.25	4.3	4.36	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.62	7.65	7.71	7.77	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Thanh Ba, ngày 05 tháng 05 năm 2023

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Anh Đức

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
2. Địa chỉ: Khu 1- Phường Dữu Lâu- Thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 80.000 m³/ngày/ Tổng số HGD được cung cấp nước: 57.320 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 08 tháng 05 năm 2023.
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyên.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa XNNS –Việt Trì

Mẫu 2: UBND phường Nông Trang.

Mẫu 3: Ông Lương – khu 6 – Nỗ Lực – Thụy Vân.

Mẫu 4: Ông Tuyên – khu 7 – Bảo Đà – Dữu Lâu.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số					Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3	4		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0.60	0.32	0.20	0.40	0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.22	0.24	0.26	0.24	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4.00	4.50	5.00	4.20	15	Đạt
6.	Mùi, vị	không	không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.50	7.55	7.62	7.52	6,0-8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Việt Trì, ngày 08 tháng 05 năm 2023

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyên

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

**BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch**

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
- Địa chỉ: Khu 1- Phường Dữu Lâu- Thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 80.000 m³/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 57.320 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 18 tháng 05 năm 2023.

6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyền.

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa XNNS –Việt Trì.

Mẫu 2: Ông Hùng – Khu 8 – Trung Vương.

Mẫu 3: Bà Năm – khu 2 – Vân Cơ.

Mẫu 4: Trường tiểu học Gia Cẩm - Việt Trì.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.58	0.39	0.4	0.28	0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.22	0.23	0.24	0.26	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4.0	4.2	4.5	5.0	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.5	7.55	7.58	7.62	6,0-8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Việt Trì, ngày 18 tháng 05 năm 2023

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyên

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)



A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
2. Địa chỉ: Khu 1- Phường Dữu Lâu- Thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 80.000 m³/ngđ. Tổng số HGD được cung cấp nước: 57.320 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 27 tháng 05 năm 2023.
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyền.

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa XNNS –Việt Trì.

Mẫu 2: Ông Thành - Khu 8 – Trung Vương.

Mẫu 3: Bà Tám - khu 21 – Gia Cẩm.

Mẫu 4: Bệnh viện tỉnh Phú Thọ - Việt Trì.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0.58	0.39	0.4	0.28	0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.22	0.23	0.24	0.26	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4.0	4.2	4.5	5.0	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.5	7.55	7.58	7.62	6,0-8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

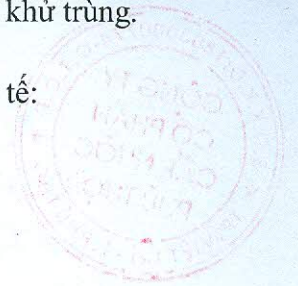
Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Việt Trì, ngày 27 tháng 05 năm 2023

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyền



MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Tề Lễ
2. Địa chỉ: Khu 1 – Xã Tề Lễ – Huyện Tam Nông - Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 2000 m³/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 439 khách hàng.
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Bứa.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 10 tháng 05 năm 2023.
6. Người kiểm tra: Lê Đức Quân
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Tề Lễ.
Mẫu 2: Ông Phú – Khu 1 – Xã Tề Lễ - Tam Nông.
Mẫu 3: Ông Luân – Khu 2 – Xã Quang Húc – Tam Nông.
Mẫu 4: Ông Đạo – Điều Lương – Cẩm Khê.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số					Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3	4		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.55	0.40	0.30	0.25	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.37	0.35	0.40	0.42	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	0	0	0	0	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.35	7.38	7.32	7.40	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

D. ĐỀ NGHỊ: Không



Tam Nông, ngày 10 tháng 05 năm 2023

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Đức Quân

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

**BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch**

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn
- Địa chỉ: Phố Hạ Sơn- Thị Trấn Thanh Sơn – Huyện Thanh Sơn- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 3000 m³/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 3.811 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Suối Dông.
- Thời gian kiểm tra: ngày 08 tháng 05 năm 2023.
- Người kiểm tra: Lê Đức Quân.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
 Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn.
 Mẫu 2: Bà Hường – Khu 19/5 – Thanh Sơn.
 Mẫu 3: Ông Đông – Khu Phú Gia - Thanh Sơn.
 Mẫu 4: Nhà văn hóa khu 7 – Giáp Lai - Thanh Sơn.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.55	0.45	0.35	0.2	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.33	0.35	0.39	0.44	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	0	0	0	0	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,28	7,30	7,35	7,33	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Thanh Sơn, ngày 08 tháng 05 năm 2023

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Đức Quân

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Tân Sơn.
- Địa chỉ: Khu 4 – xã Tân Phú – huyện Tân Sơn - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 1.500 m³/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 4.493 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Bứa.
- Thời gian kiểm tra: ngày 07 tháng 05 năm 2023.
- Người kiểm tra: Hoàng Thị Thanh Xuân.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa XNCN Tân Sơn.

Mẫu 2: Bà Nga - khu 2 - Tân Phú.

Mẫu 3: Ông Khai- khu Minh Tân- Minh Đài.

Mẫu 4: Ông Cường – Khu Luông - Văn Luông.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.5	0.3	0.3	0.2	0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.28	0.28	0.29	0.30	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	0	0	0	0	15	Đạt
6.	Mùi, vị	không	không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.3	7.32	7.40	7.35	6,0-8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:
QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Tân Sơn, ngày 07 tháng 05 năm 2023

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xuân

Hoàng Thị Thanh Xuân

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí Nghiệp Cấp nước Trung Nghĩa
- Địa chỉ: Khu 1 - Đồng Trung - Thanh Thủy - Phú Thọ
- Công suất thiết kế 7200 m³/ ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: 9.630 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể) Nước mặt - Sông Đà
- Thời gian kiểm tra: ngày 8 tháng 5 năm 2023
- Người kiểm tra: Nguyễn Tiến Minh
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp Cấp nước Trung Nghĩa

Mẫu 2: Bà Lộc - khu 11 - Tu Vũ

Mẫu 3: Ông Tuất - Khu 13 - Hoàng Xá

Mẫu 4: Ông Đức - Khu 2 - Đoan Hạ

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng nước

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH		
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0.57	0.42	0.40	0.39	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0.16	0.20	0.21	0.23	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	3.44	3.80	3.75	3.62	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không	Không	Không	Không	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7.35	7.42	7.39	7.35	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn của Bộ Y Tế:

QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ Y tế.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có) : Không

D. ĐỀ NGHỊ: Không

Đồng Trung, ngày 8 tháng 5 năm 2023

Người kiểm tra



Nguyễn Tiến Minh

